

Số: 843/QĐ-UBND

Hà Bắc, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá đất cụ thể; phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện
Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà
Địa chỉ xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HÀ BẮC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định một số chỉ tiêu cụ thể khi áp dụng phương pháp định giá đất theo Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về



nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 689/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại điều 14 Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Thông báo số 17/TB-HĐTĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể về việc thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 233/TTr-KT ngày 26 tháng 05 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể loại đất trồng cây hằng năm của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã là 100.000 đồng/m² để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, như sau:

1. Tổng diện tích thu hồi: 1.533m², loại đất trồng cây hằng năm.

2. Tổng số người có đất thu hồi: 08 người.

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

3.1. Tổng kinh phí bồi thường:

- Bồi thường đất trồng cây hằng năm:

147.170.000đồng

145.960.000đồng;

- Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất:

1.210.000đồng.

3.2. Tổng kinh phí hỗ trợ:

835.025.000đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 729.800.000đồng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống:

61.437.000đồng;

- Hỗ trợ ổn định, sản xuất, kinh doanh:

43.788.000đồng;

Tổng cộng (3.1+3.2):

982.195.000đồng.

(Chín trăm tám mươi hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

(Có bảng tổng hợp bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan

- Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi.

- Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã có trách nhiệm phổ biến quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thu hồi có trách nhiệm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; bàn giao đất đã thu hồi cho Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã.

- Phòng Kinh tế và các ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng giao dịch số 6 - Kho bạc nhà nước khu vực III, Thủ Trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Anh Tuấn

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHÍ NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI XÃ TÂN VIỆT, HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG;**

ĐỊA CHỈ XÃ HÀ BẮC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Hà Bắc)



STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Số tờ BD	Số thửa đất	Diện tích	Kinh phí bồi thường		Tổng kinh phí bồi thường	Kinh phí Hỗ trợ			Tổng hỗ trợ	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
					Đất đai	Cây cối, hoa màu		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khu nhà nước thu hồi đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống:		
1	Nguyễn Hữu Mai	11	47	353	35.300.000	330.000	35.630.000	10.590.000	176.500.000	14.288.000	201.378.000	237.008.000
		7	2026	84				8.670.000	144.500.000	7.144.000	160.314.000	189.544.000
2	Nguyễn Hữu Hoà Vũ Thị Hoàn	11	46	205	28.900.000	330.000	29.230.000	9.180.000	153.000.000	10.001.000	172.181.000	203.111.000
		7	1724	306				4.968.000	82.800.000	10.001.000	97.769.000	114.329.000
4	Nguyễn Đình Triển Nguyễn Thị Lập	7	2263	165,6	16.560.000	-	16.560.000	3.690.000	61.500.000	2.858.000	68.048.000	80.348.000
5	Ngô Bá Huệ Lê Thị Tâm	8	716	123	12.300.000	-	12.300.000	3.270.000	54.500.000	5.715.000	63.485.000	74.605.000
6	Nguyễn Đức Sinh Hoàng Thị Oanh	8	735	109	10.900.000	220.000	11.120.000					

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Số tờ ĐĐ	Số thửa đất	Diện tích	Kinh phí bồi thường		Tổng kinh phí bồi thường	Kinh phí Hỗ trợ			Tổng hỗ trợ	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
					Đất đai	Cây cối, hoa màu		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khu Nhà nước thu hồi đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống:		
7	Nguyễn Thị Quyên	8	736	51	5.100.000	-	5.100.000	1.530.000	25.500.000	5.715.000	32.745.000	37.845.000
8	Phạm Thị Thuần Hoàng Văn Trường	8	737	63	6.300.000	-	6.300.000	1.890.000	31.500.000	5.715.000	39.105.000	45.405.000
Cộng							147.170.000	43.788.000	729.800.000	61.437.000	835.025.000	982.195.000

Chín trăm tám mươi hai triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn